

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 17/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Gia Cát**

Ông **Trần Văn Lý**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phùng Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Nam Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn V - Sinh năm: 1999 tại K

Nơi cư trú: 43 NK, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 244/2020/HSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nguyễn Văn V thực hiện hành vi phạm tội ngày 15/4/2020, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 44.590.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2021.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/4/2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2/ Ngô Đình N - sinh năm 1995 tại K

Nơi cư trú: Tổ 16 thôn X, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C (sinh năm 1967) và bà Trần Thị H (sinh năm 1965).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 20/2015/HSPT ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 3 năm 3 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999; Ngô Đình N thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/12/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/11/2016, đã đóng án phí hình sự sơ và phúc thẩm vào năm 2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3/ Lê Quốc Nh - sinh năm 1994 tại Khánh H

Nơi cư trú: 97 C, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc P (sinh năm 1967) và bà Hồ Thị Kim Q (sinh năm 1965).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 83/2020/HSST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Lê Quốc Nh thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/12/2019, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 18.463.730 đồng, chưa chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư **Lê Văn T** – Văn phòng luật sư Văn T, là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa, bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Luật sư có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà **Phạm Thị Kim L** – Sinh năm: 1968

Trú tại: 7/10 NK, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Nguyễn Hiền T** – Sinh năm: 1989

Trú tại: 66 D, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1980

Trú tại: 43 NK, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Trần Thị H** – Sinh năm: 1965

Trú tại: Tổ 16 thôn X, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Bà **Nguyễn Thị K** – Sinh năm: 1955

Trú tại: 9 NK, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Phạm Trần Minh Kh** – Sinh năm: 1982

Trú tại: Tổ 7, BL, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Lê Thị Thảo M** – Sinh năm: 1991

Trú tại: Tổ 2 TN, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà **Ngô Thị Quỳnh N** – Sinh năm: 1997

Trú tại: Tổ 16 thôn X, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 2 giờ 00 phút ngày 24/5/2019, Ngô Đình N, Nguyễn Văn V, Lê Quốc Nh cùng bàn bạc với nhua đi trộm cắp tài sản và chuẩn bị 1 mỏ lết. Ngô Đình N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển kiểm soát 79N2-27027 chở Nguyễn Văn V, Lê Quốc Nh đi quanh khu vực phường P, thành phố Nha Trang; khi đến trước nhà của bà Phạm Thị Kim L tại địa chỉ 7/10 NK, phường P, thành phố Nha Trang thì cả ba bàn nhau vào trộm cắp tài sản. N đứng ngoài cảnh giới, V dùng mỏ lết cắt cửa cổng, V và Nh chui qua cổng vào trong nhà lấy 1 két sắt kích thước (42x40x34) cm, 1 laptop, 1 Ipad, 2 chai nước hoa mang ra khỏi cổng. V, N, Nh chở 1 két sắt về phòng trọ của V tại 18 ĐL, V, Nha Trang và bỏ lại 1 laptop, 1 Ipad trước vỉa hè nhà số 9 NK, P, Nha Trang, 2 chai nước hoa Nh làm rơi trên đường. Tại phòng trọ của V cả ba dùng cưa phá cửa két sắt, bên trong két có 30 lượng vàng SJC 9999, 1 lắc đeo tay, 1 nhẫn đeo tay, 2 đồng hồ đeo tay, 1 bộ trang sức bằng đá. N, V, Nh chia nhau mỗi người 9 lượng vàng SJC, còn 2 lượng vàng SJC cho B (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ), 1 lượng vàng SJC N, V, Nh bán cho Nguyễn Hiền T được 35.000.000 đồng chia cho N 15.000.000 đồng, V, Nh mỗi người 10.000.000 đồng tiêu xài. 01 lắc đeo tay, 1 nhẫn đeo tay, 1 bộ trang sức bằng đá V cho mẹ của B (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ), 2 đồng hồ đeo tay Nh giữ và làm rơi trên đường về nhà.

Sau khi được chia 9 lượng vàng SJC, cuối tháng 5/2019, V đến tiệm mua bán điện thoại di động của Nguyễn Hiền T tại 66 D, V, Nha Trang bán tổng cộng 6 lượng vàng SJC cho T. V cho T 5.000.000 đồng mỗi lượng. Sau đó, Toàn mang số vàng trên bán tại 1 tiệm vàng (không nhớ địa chỉ) tại thành phố T, tỉnh P. Ngày 21/4/2020, T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 30.000.000 đồng. Nh và N cũng bán hết số vàng được chia tại một số tiệm vàng không rõ

địa chỉ ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và thành phố Hồ Chí Minh, cả ba đã tiêu xài hết số tiền trên.

Căn cứ bảng báo giá vàng của Công ty TNHH MTV vàng bạc đá quý Sài Gòn SJC – Chi nhánh SJC Nha Trang xác định vàng miếng SJC thời điểm ngày 24/5/2019 có giá trị là 3.638.000 đồng/chỉ. Như vậy, 30 lượng vàng miếng SJC mà V, N, Nh trộm cắp có giá trị: $3.638.000 \text{ đồng} \times 10 \times 30 = 1.091.400.000$ đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2964/KL-HĐĐGTS ngày 23/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận: không xác định được giá trị còn lại của máy laptop và Ipad tại thời điểm tháng 5/2019.

Tại Kết luận định giá tài sản số 851/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận: 1 kết sắt, 1 lắc đeo tay, 1 nhẫn đeo tay, 2 đồng hồ đeo tay, 1 bộ trang sức bằng đá, 2 chai nước hoa, khung chân hàng rào song sắt bị cắt, không đủ điều kiện cần thiết để xác định giá trị tài sản tại thời điểm tháng 5/2019.

Vật chứng vụ án:

- 01 kết sắt bằng kim loại màu đen không có nắp ngang, kích thước (42x40x34) cm, 30.000.000 đồng chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Đã trả cho bị hại 1 laptop, 1 Ipad.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSKH-P1 ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Hiền T có hành vi mua vàng của Nguyễn Văn V, tuy nhiên khi mua T không biết rõ vàng do V trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với các đối tượng B, mẹ B được V, Nh, N cho tài sản sau khi trộm cắp được (theo lời khai của V, Nh, N), Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên nên tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với việc Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh có hành vi cắt song sắt cửa cổng nhà bà Phạm Thị Kim L tại địa chỉ: 7/10 NK, P, Nha Trang, do không xác định được giá trị thiệt hại nên không có căn cứ xử lý về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N. Bị cáo Lê Quốc Nh là người không biết chữ, trình độ nhận thức có phần hạn chế nên đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo V, N, Nh

mức hình phạt từ 13 đến 14 năm tù giam. Về trách nhiệm dân sự, cần công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số vàng các bị cáo đã chiếm đoạt. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy kết sắt đã thu giữ và tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Bào chữa cho các bị cáo, luật sư Lê Văn T đồng ý với tội danh và khung hình phạt theo truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhưng cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là quá nặng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nhưng ông Nguyễn Hiền T và tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã có lời khai ở cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh khai nhận: Vào rạng sáng ngày 24/5/2019, các bị cáo đã cùng nhau dùng mỏ lết cắt cửa cổng và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị Kim L gồm 1 laptop, 1 Ipad, 2 chai nước hoa và 1 kết sắt bên trong có 30 lượng vàng SJC 9999, 1 lắc đeo tay, 1 nhẫn đeo tay, 2 đồng hồ đeo tay, 1 bộ trang sức bằng đá. Giá trị tài sản 30 lượng vàng SJC 9999 mà các bị cáo đã trộm cắp là 1.091.400.000 đồng, riêng các tài sản còn lại Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa không xác định được giá trị.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm và bản ảnh hiện trường, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận rằng, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh là những thanh niên trưởng thành có đầy đủ sức khỏe, khả năng lao động nhưng lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm khắc và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn V là người rủ rê các bị cáo còn lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, cùng chia nhau tài sản đã trộm cắp được. Các bị cáo đều có nhân thân xấu và đều giữ vai trò tích cực như nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo V là người rủ rê, khởi xướng nên cần bị áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn V và Ngô Đình N đã tích cực tác động đến mẹ các bị cáo là bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị H để bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Thị Kim L. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, nhằm giúp các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị Kim L yêu cầu các bị cáo V, N, Nh phải bồi thường cho bị hại tài sản đã trộm cắp là 30 lượng vàng SJC 9999, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị những tài sản còn lại.

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh đã chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại – bà Phạm Thị Kim L; các bị cáo đều có lỗi như nhau trong việc gây ra thiệt hại, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận và buộc các bị cáo có nghĩa vụ phải liên đới bồi thường cho bà L tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 30 lượng vàng miếng SJC 9999 (trong đó phần nghĩa vụ mỗi bị cáo V, N và Nh phải bồi thường là 10 lượng vàng SJC 9999).

Bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho bị hại Phạm Thị Kim L số tiền tương đương 6 chỉ vàng SJC 9999 nên phần nghĩa vụ còn lại bị cáo V phải bồi thường cho bà L là 9 lượng 4 chỉ vàng SJC 9999.

Bị cáo Ngô Đình N đã bồi thường cho bị hại Phạm Thị Kim L số tiền tương đương 3 chỉ vàng SJC 9999 nên phần nghĩa vụ còn lại bị cáo N phải bồi thường cho bà L là 9 lượng 7 chỉ vàng SJC 9999.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo Ngô Đình N hoàn trả lại số tiền đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hiền T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, làm rõ các dấu hiệu phạm tội đối với hành vi của Nguyễn Hiền T, nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của cáo trạng. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo giới hạn của việc xét xử và kiến nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ hành vi nói trên và xử lý theo quy định của pháp luật nếu có căn cứ.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ nhân thân, lai lịch và hành vi của các đối tượng có tên B, mẹ B và xử lý theo quy định nếu có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 kết sắt bằng kim loại màu đen không có nắp ngang, kích thước (42x40x34) cm là tài sản của bị hại Phạm Thị Kim L nhưng bị hại không đồng ý nhận lại vật chứng, xét thấy kết sắt nói trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng của Nguyễn Hiền T giao nộp, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị hại Phạm Thị Kim L và được khấu trừ giá trị vào nghĩa vụ mà bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho bị hại khi thi hành bản án.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự:

Theo bảng báo giá vàng của Công ty SJC, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giá vàng SJC 9999 là 67.300.000 đồng/lượng nên các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ bồi thường của từng người.

Bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 29.304.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Ngô Đình N phải nộp 30.112.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Quốc Nh phải nộp 30.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn V;

Xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN VĂN V 13 (mười ba) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/4/2021.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngô Đình N;

Xử phạt: Bị cáo **NGÔ ĐÌNH N 12 (mười hai) năm 6 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 20/4/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Quốc Nh;

Xử phạt: Bị cáo **LÊ QUỐC NH 13 (mười ba) năm tù**, tổng hợp với hình phạt 1 năm tù tại bản án số 83/2020/HSST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **14 (mười bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 20/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh và bị hại Phạm Thị Kim L. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh có nghĩa vụ phải liên đới bồi thường cho người bị hại – bà Phạm Thị Kim L 29 lượng 01 chỉ vàng SJC 9999 (trong đó phần nghĩa vụ bị cáo Nh phải bồi thường là 10 lượng vàng SJC 9999; bị cáo V phải bồi thường 9 chỉ 4 lượng vàng SJC 9999; bị cáo N phải bồi thường 9 chỉ 7 lượng vàng SJC 9999).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

* Tịch thu tiêu hủy 01 kết sắt bằng kim loại màu đen không có nắp ngang, kích thước (42x40x34) cm.

* Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho phần nghĩa vụ phải thi hành của bị cáo Nguyễn Văn V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa và Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa và theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 15/12/2020 của Phòng Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh Khánh Hòa vào tài khoản của Kho bạc nhà nước Khánh Hòa, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Ngô Đình N, Lê Quốc Nh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 29.304.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Ngô Đình N phải nộp 30.112.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Quốc Nh phải nộp 30.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND CC tại Đà Nẵng
- TTG CA tỉnh Khánh Hòa
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo + Người TGT
- Lưu hồ sơ.

LÂM VƯƠNG MỸ LINH